

Bản án số: **17/2022/HS-PT**

Ngày: 14 - 01 - 2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Trần Thế Cẩm**

*Các Thẩm phán:* Ông **Nguyễn Quốc Thiện**

**Ông Nguyễn Văn Dũng**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Trần Thị Thanh Thảo** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa:** Bà **Trần Văn Đệ** - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam, xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: **288/2022/HS-PT** ngày 06 tháng 12 năm 2021 đối với các bị cáo Trương Văn P1, Lê Văn H1. Do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: **21/2021/HSST** ngày 26 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Quảng Nam.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. **Trương Văn P1**, sinh ngày: 20/10/1985 tại huyện H, tỉnh Quảng Nam; nơi cư trú: thôn N, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; nghề nghiệp: nông; Trình độ học vấn: 12/12; con ông Trương Ng, sinh năm 1950 và bà Trần Thị T, sinh năm 1952; vợ là Cao Thụy Hồng Đ, sinh năm 1987, có 01 người con (*sinh năm 2017*); Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*”; có mặt.

2. **Lê Văn H1**, sinh ngày: 18/3/1979 tại huyện H, tỉnh Quảng Nam; nơi cư trú: thôn N, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; nghề nghiệp: nông; trình độ học vấn: 04/12; con ông Lê Nh (chết) và bà Trần Thị Ch, sinh năm 1940; vợ là Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm 1979, có 02 người con (*lớn nhất sinh năm 2009, nhỏ nhất sinh năm 2015*); Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*”; có mặt.

**- Nguyên đơn dân sự:** Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Thanh L1 – Chức vụ: Chủ tịch.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lương Công H2, sinh năm 1981; chức vụ: Công chức ĐC-NN-XD-MT thuộc UBND xã T (Theo giấy ủy quyền số: 28/QĐ-UBND ngày 13/01/2022); có mặt.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- + Bà Nguyễn Thị H3; Sinh năm: 1962; vắng mặt.
- + Bà Nguyễn Thị C; Sinh năm: 1964; có mặt.
- + Bà Trần Thị H3; Sinh năm: 1961; vắng mặt.
- + Bà Trần Thị Gi; Sinh năm: 1972; vắng mặt.
- + Ông Phan Tấn N1; Sinh năm: 1963; có mặt.
- + Ông Võ Văn X; Sinh năm: 1942; vắng mặt.
- + Ông Võ Văn P2; Sinh năm: 1975; có mặt.
- + Ông Nguyễn Văn B; Sinh năm: 1974; vắng mặt.
- + Bà Võ Thị T1; Sinh năm: 1955; có mặt.
- + Ông Nguyễn Minh K; Sinh năm: 1982; có mặt.
- + Ông Huỳnh Châu N2; Sinh năm: 1979; có mặt.
- + Ông Nguyễn Hồng L2; Sinh năm: 1952; vắng mặt.
- + Ông Nguyễn Hồng D; Sinh năm: 1974; có mặt.
- + Bà Nguyễn Thị T2; Sinh năm: 1942; vắng mặt.
- + Bà Lê Thị H4; Sinh năm: 1946; vắng mặt.
- + Ông Huỳnh Châu T3; Sinh năm: 1975; có mặt.

Cùng trú tại: Thôn A, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Nam.

**- Người làm chứng:** Ông Trương Văn H5; sinh năm: 1982; trú tại: Thôn N, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Nam; có mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 04/2020, Trương Văn P1 và Lê Văn H1 đã thỏa thuận nhận chuyển nhượng một số diện tích đất rừng đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Dự án KFW6 của một số hộ dân để phát dọn trồng cây Keo. Sau đó, Phước và Hòa mượn ông Trương Văn H5 mang rựa, máy cưa xăng vào khoảnh 12, tiểu khu 514, khu vực Suối C (*thôn A, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Nam*) phát luồng, cưa hạ trắng cây rừng tự nhiên.

Qua kiểm tra lại hiện trường ngày 06/01/2021 xác định: Diện tích rừng tự nhiên bị thiệt hại do H1 và P1 hủy hoại là 47.140 m<sup>2</sup>, khối lượng gỗ thương phẩm là 49,958m<sup>3</sup>.

Căn cứ Công văn số: 436/CCKL-SD&PTR ngày 26/6/2020, Công văn số: 480/CCKL-SD&PTR ngày 27/8/2021 của Chi cục Kiểm lâm Quảng Nam và Công văn số: 2269/SNN&PTNT-CCKL ngày 13/9/2021 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Quảng Nam xác định diện tích rừng 47.140m<sup>2</sup> do H1 và P1 hủy hoại tại khoảnh 12, tiểu khu 514 (*thôn A, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Nam*) được quy

hoạch là rừng tự nhiên, có trạng thái rừng thường xanh nghèo kiệt, chức năng sản xuất.

Căn cứ Công văn số: 80/CNVPĐK ngày 15/2/2021 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện H xác định: Diện tích rừng tự nhiên thiệt hại 47.140 m<sup>2</sup> năm 2011 đã giao cho các hộ dân trong xã T để tham gia Dự án KFW6 với mục đích sử dụng là đất khoanh nuôi phục hồi rừng sản xuất, cụ thể các hộ dân nhận khoán như sau:

(1). Diện tích rừng tự nhiên bị phá trái pháp luật 3.158,7m<sup>2</sup> tại thửa đất số 514-XII-54 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG462104 được UBND huyện H cấp cho hộ ông Nguyễn Hồng L2 và bà Mai Thị S (*trú thôn A, xã T, huyện H*) ngày 29/12/2011;

(2). Diện tích rừng tự nhiên bị phá trái pháp luật 8.929,5m<sup>2</sup> tại thửa đất số 514-XII-53 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG462101 được UBND huyện H cấp cho hộ bà Nguyễn Thị H3 (*trú thôn A, xã T, huyện H*) ngày 29/12/2011;

(3). Diện tích rừng tự nhiên bị phá trái pháp luật 158m<sup>2</sup> tại thửa đất số 514-XII-52 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG462102 được UBND huyện H cấp cho hộ bà Nguyễn Thị C (*trú thôn A, xã T, huyện H*) ngày 29/12/2011;

(4). Diện tích rừng tự nhiên bị phá trái pháp luật 5.926,9m<sup>2</sup> tại thửa đất số 514-XII-66 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG462108 được UBND huyện H cấp cho hộ bà Nguyễn Thị T2 (*trú thôn A, xã T, huyện H*) ngày 29/12/2011;

(5). Diện tích rừng tự nhiên bị phá trái pháp luật 8.144m<sup>2</sup> tại thửa đất số 514-XII-69 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG462111 được UBND huyện H cấp cho hộ ông Võ Minh V và bà Trần Thị H6 (*trú thôn A, xã T, huyện H*) ngày 29/12/2011;

(6). Diện tích rừng tự nhiên bị phá trái pháp luật 9.816m<sup>2</sup> tại thửa đất số 514-XII-68 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG462109 được UBND huyện H cấp cho hộ bà Lê Thị H4 (*trú thôn A, xã T, huyện H*) ngày 29/12/2011;

(7). Diện tích rừng tự nhiên bị phá trái pháp luật 5.130,1m<sup>2</sup> tại thửa đất số 514-XII-76 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG462113 được UBND huyện H cấp cho hộ ông Võ Văn X và bà Nguyễn Thị T3 (*trú thôn A, xã T, huyện H*) ngày 29/12/2011;

(8). Diện tích rừng tự nhiên bị phá trái pháp luật 539,9m<sup>2</sup> tại thửa đất số 514-XII-82 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG462115 được UBND huyện H cấp cho hộ ông Nguyễn Văn B (*trú thôn A, xã T, huyện H*) ngày 29/12/2011;

(9). Diện tích rừng tự nhiên bị phá trái pháp luật 1.183m<sup>2</sup> tại thửa đất số 514-XII-83 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG462118 được UBND huyện H cấp cho hộ ông Hồ Đức D và bà Trần Thị Gi (*trú thôn A, xã T, huyện H*) ngày 29/12/2011;

(10). Diện tích rừng tự nhiên bị phá trái pháp luật 2.782,9m<sup>2</sup> tại thửa đất số 514-XII-92 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG462122 được UBND huyện H cấp cho hộ **ông Huỳnh Châu N2** và bà Nguyễn Thị H5 (*trú thôn A, xã T, huyện H*) ngày 29/12/2011;

(11). Diện tích rừng tự nhiên bị phá trái pháp luật 308m<sup>2</sup> tại thửa đất số 514-XII-91 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG462122 được UBND huyện H cấp cho hộ bà Võ Thị T1 (*trú thôn A, xã T, huyện H*) ngày 29/12/2011;

(12). Diện tích rừng tự nhiên bị phá trái pháp luật 1.063m<sup>2</sup> tại thửa đất số 514-XII-77 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG462114 được UBND huyện H cấp cho hộ ông Phan Tấn N1 (*trú thôn A, xã T, huyện H*) ngày 29/12/2011;

Tại Kết luận số: 02/KL-HĐĐG ngày 19/01/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện H xác định giá trị thiệt hại đối với diện tích 47.140m<sup>2</sup> là rừng tự nhiên, có chức năng sản xuất là 208.205.820 đồng (*Hai trăm lẻ tám triệu, hai trăm lẻ năm nghìn, tám trăm hai mươi đồng*).

Với nội dung vụ án như trên, tại bản án hình sự sơ thẩm số: 21/2021/HSST ngày 26 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Quảng Nam đã quyết định: Tuyên bố các bị cáo Trương Văn P1, Lê Văn H1 phạm tội "*Hủy hoại rừng*".

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 243; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt bị cáo **Trương Văn P1** 12 (*Mười hai*) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Xử phạt bị cáo **Lê Văn H1** 12 (*Mười hai*) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về phân trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Vào ngày 08/11/2021, các bị cáo Trương Văn P1, Lê Văn H1 có đơn kháng cáo xin được giải oan và giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội gây ra; xem xét áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân để làm căn cứ xử phạt các bị cáo Trương Văn P1, Lê Văn H1, mỗi bị cáo 12 tháng tù là có cơ sở. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo thay đổi và giữ nguyên nội dung kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt; nhưng các bị cáo không cung cấp được tình tiết mới và xét mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đối với bị cáo là phù hợp và đúng pháp luật; đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên hình phạt của bản án sơ thẩm.

Bị cáo không tranh luận, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được giảm nhẹ hình phạt.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo Trương Văn P1, Lê Văn H1 có đơn kháng cáo xin được giải oan và giảm nhẹ hình phạt. Xét đơn kháng cáo của bị cáo trong hạn luật định theo đúng quy định tại các Điều 331, 332, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên kháng cáo của bị cáo là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Trương Văn P1, Lê Văn H1 khai nhận: Vào khoảng tháng 04/2020, Trương Văn P1 và Lê Văn H1 đã thỏa thuận nhận chuyển nhượng một số diện tích đất rừng đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Dự án KFW6 của một số hộ dân tại xã T, với mục đích để phát dọn trồng Keo. Sau đó, Phước và Hòa mượn ông Trương Văn H5 mang rựa, máy cưa xăng vào rừng phát luồng, cưa hạ trắng cây rừng tự nhiên diện tích 47.140 m<sup>2</sup> thì bị cơ quan chức năng phát hiện lập biên bản và khám nghiệm hiện trường do các bị cáo vi phạm.

[3] Xét lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, vật chứng thu giữ, kết luận định giá tài sản và các tài liệu, chứng cứ được cơ quan điều tra chứng minh có tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng tháng 04/2020, Trương Văn P1, Lê Văn H1 sau khi nhận chuyển nhượng một số diện tích đất rừng đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Dự án KFW6 (*chưa được phép của cơ quan chức năng*); được quy hoạch là rừng tự nhiên, có trạng thái rừng thường xanh nghèo kiệt, chức năng sản xuất; do Ủy ban nhân dân xã T quản lý khoanh nuôi bảo vệ; nhưng các bị cáo đã có hành vi thuê người chặt hạ trắng diện tích rừng **47.140 m<sup>2</sup>**, tại khoanh 12, tiểu khu 514 thuộc thôn A, xã T; gây thiệt hại theo định giá là **208.205.820** đồng nên bản án hình sự sơ thẩm số: **23/2019/HS-ST** ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Quảng Nam kết án các bị cáo Trương Văn P1, Lê Văn H1 về tội “Huỷ hoại rừng” theo điểm đ khoản 2 Điều 243 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật, không oan.

[4] Xét kháng cáo của các bị cáo thì thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất của vụ án, mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội gây ra; xem xét và áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, nhân thân, vai trò để áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự làm căn cứ xử phạt mỗi bị cáo mức án 01 năm tù là mức thấp dưới khung hình phạt, không nặng. Việc Tòa án cấp sơ thẩm không cho các bị cáo hưởng án treo là có cơ sở, đáp ứng được yêu cầu giáo dục riêng và phòng ngừa chung loại tội phạm này hiện nay trên địa bàn tỉnh Quảng Nam chung và huyện miền núi H nói riêng. Sau khi xét xử sơ thẩm, không phát sinh tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới và xét thấy mức án Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng là đã có nhiều chiều cõng đối với người lần đầu phạm tội, có nhân thân tốt nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt.

[5] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

**1.** Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trương Văn P1, Lê Văn H1; giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 243; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

- Xử phạt bị cáo **Trương Văn P1** 12 (Mười hai) tháng tù về tội "Hủy hoại rừng"; thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

- Xử phạt bị cáo **Lê Văn H1** 12 (Mười hai) tháng tù, về tội "Hủy hoại rừng"; thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

**2.** Bị cáo Trương Văn P1, Lê Văn H1, **mỗi** bị cáo phải chịu **200.000** đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

**3.** Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

**4.** Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày tuyên án (ngày 14/01/2022).

#### **Nơi nhận:**

- Cơ quan tiến hành TT;
- Người TGT;
- Phòng PV06 CA Q.Nam;
- P.HSNV Sở tư pháp Q.Nam;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa hình sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

**Trần Thế Cẩm**

## **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**

**CÁC THẨM PHÁN**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA**

**Trần Thế Cẩm**

***Nơi nhận:***

- Cơ quan tiến hành TT;
- Người TGT;
- Phòng PV06 CA Q.Nam;
- P.HSNV Sở tư pháp Q. Nam;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa hình sự.

**Trần Thế Cẩm**